TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 357/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thế Cần – Bí thư Đoàn phường Thống Nhất.

2. Ông Trần Công Danh – Cán bộ hưu trí.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2016/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 331/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 430/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kim M**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số nhà 11, đường Bưng Mua, ấp Ông Hường, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn Ch**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: K2/32, ấp Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Mai có đơn xin vắng mặt, ông Châu vắng mặt không lý do tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 19/8/2019, bản tự khai nguyên đơn bà Lê Thị Kim M trình bày:

Bà và ông Ch tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường Bửu Hòa, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/5/2005, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của người Việt Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vả, to tiếng với nhau. Mặc dù, đã

nhiều lần bà và ông Ch ngồi lại để hòa giải hàn gắn gia đình nhưng không được, bà và ông Ch đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến hiện nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Ch, là vợ chồng nhưng không ai còn quan tâm cuộc sống của nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ch.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Triệu Mẫ, sinh ngày 29/12/2005 và cháu Lê Gia B, sinh ngày 02/4/2008. 02 con chung hiện nay sống cùng bà. Ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Tạm thời, không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn Ch đã được Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông Châu vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim Mai đối với bị đơn ông Lê Văn Châu về việc ly hôn, về quan hệ hôn nhân: Bà Mai được ly hôn với ông Châu, về con chung: Giao các con chung là cháu Lê Triệu Mẫn, sinh ngày 29/12/2005 và cháu Lê Gia Bảo, sinh ngày 02/4/2008 cho bà Mai trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Châu không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Bà Mai khai không có, không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, ông Châu vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự:

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn Ch căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà M là nguyên đơn, ông Ch là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Văn Ch hiện nay đang cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Ngày 29/10/2019 nguyên đơn bà Lê Thị Kim M có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn được bà Mai viết và nộp tại Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ cư trú của bị đơn ông Lê Văn Ch tại phường Bửu Hòa xác

định hiện nay ông Ch cư trú tại địa chỉ số K2/32, ấp Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Châu theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông Châu vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông Ch.

[4] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim M và ông Lê Văn Ch tự nguyện kết hôn, có làm thủ làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/5/2005 nên áp dụng các Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, bà Mai xác định không còn tình cảm với ông Ch, do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vả, to tiếng với nhau. Theo biên bản xác minh mâu thuẫn tại địa phương ngày 31/10/2009 nơi bà Mai và ông Châu sinh sống trước đây xác định giữa bà M và ông Ch có mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được. Tuy nhiên, bà M và ông Ch đã không còn sống chung với nhau.

Đối với ông Ch thì theo kết quả xác minh tại phường Bửu Hòa ngày 31/10/2019, xác định hiện nay ông Ch cư trú tại địa phương nên đã được Tòa án tiến hành nêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy ông Ch có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Như vậy, cuộc sống hôn nhân của bà M và ông Ch đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của bà M là có cơ sở chấp nhận

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Triệu Mẫ, sinh ngày 29/12/2005 và cháu Lê Gia B, sinh ngày 02/4/2008. Hai con chung hiện nay sống cùng bà M. Ly hôn, bà M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Tạm thời, không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu này của bà M là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, các con chung hiện nay đang sống cùng bà M, bà M vẫn chăm sóc tốt cho các con, các con chung cũng mong muốn được sống cùng bà M nên việc giao 02 con chung cho bà M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M khai không có, không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, ông Ch vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Kim M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim M đối với bị đơn ông Lê Văn Ch về việc ly hôn.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim M được ly hôn với ông Lê Văn C.

Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Triệu Mẫ, sinh ngày 29/12/2005 và cháu Lê Gia B, sinh ngày 02/4/2008 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Ch được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản ông Ch thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M khai không có, không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, ông Ch vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Lê Thị Kim M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà M đã nộp theo biên lai thu số 0000332 ngày 28/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS TP.B
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Đào